

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NS
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án Số: 54/2025/HS-ST
Ngày: 23-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NS, TỈNH THANH HOÁ

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Đình Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương
Ông Nguyễn Đức Hưng

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thị xã NS, tỉnh Thanh Hoá

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Duyến - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã NS xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2025/TLST-HS ngày 27/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2025/QĐXXHS-ST ngày 11/4/2025 đối với bị cáo:

Đặng Thị V - Sinh ngày 05/02/1991, tại xã Hải Nhân, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Tổ dân phố Tây S, phường Hải Lĩnh, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa; nghề Nệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; giới tính: nữ; dân tộc: kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt N; con ông: Đặng Văn Đăng (đã chết) và bà Vũ Thị Xơn; Chồng: Nguyễn Văn T; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2020; Số CCCD: 038191016645; Cấp ngày 15 tháng 8 năm 2021; Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/01/2024, bị Toà án nhân dân thị xã NS xử phạt 27 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Bản án Số 03/2024/HS-ST), hành vi phạm tội xảy ra tháng 5/2023.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam số 6 - Bộ Công an và được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa để phục vụ công tác điều tra.

**** Bị hại:***

- Chị Vũ Thị H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

- Ông Mai Công H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

- Anh Mai Công S, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Đều cư trú tại: Tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12/2023 đến tháng 4/2024, Đặng Thị V đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin giả mạo về việc V có thể làm được sổ bảo hiểm xã hội, xin được việc làm tại cơ quan Viện kiểm sát và có khả năng chạy án, qua đó lừa đảo, chiếm đoạt tiền của một số cá nhân, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng đầu tháng 12 năm 2023, Đặng Thị V đi làm bảo hiểm thất Nộp tại Bảo hiểm xã hội thị xã NS thì gặp vợ chồng chị Vũ Thị H và anh Mai Công S, trú tại tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS cũng đang đi làm sổ bảo hiểm thất Nộp. Qua chuyện trò với nhau, biết được chị H chưa làm được sổ bảo hiểm nên V đã nói dối với chị H về việc V có quen biết chị Hiền là Giám đốc bảo hiểm xã hội, đồng thời cho chị H số điện thoại 0974.242.139, nói là số điện thoại chị Hiền để chị H liên lạc, nhưng thực chất số điện thoại này của V). Đến trưa cùng ngày, chị H gọi vào số điện thoại trên, V nhận điện thoại và xưng là Hiền ở gần nhà V và nói với chị H làm sổ bảo hiểm xã hội hết 1.500.000 đồng, rồi bảo chị H liên lạc vào số 0344.935.445 (cũng là số điện thoại của V) để đưa tiền cho V. Khi chị H gọi vào điện thoại 0344.935.445 trên, thì V nói làm sổ bảo hiểm hết 2.000.000 đồng rồi gửi số tài khoản cho chị H chuyển tiền, sau đó chị H đã chuyển khoản cho V 1.850.000 đồng.

Đến ngày 02/12/2023, V gọi điện cho chị H nói cần đưa thêm 8.000.000 đồng để làm sổ bảo hiểm, chị H đồng ý, hẹn gặp và đưa tiền mặt cho V tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Ngày 13/12/2023, V tiếp gọi điện thoại cho chị H nói cần đưa thêm 2.000.000 đồng cho chị Hiền, chị H đồng ý và chuyển khoản cho V.

Ngày 14/12/2023, V tiếp tục gọi điện bảo chị H chuyển thêm 2.000.000 đồng, chị H đồng ý và chuyển khoản cho V.

Đến ngày 15/12/2023, V sử dụng số điện thoại 0974.242.139 gọi điện cho chị H nói về việc không lấy lại được tiền chị H đã đưa để làm sổ bảo hiểm nên phải nhờ cậu Giang, Giám đốc Công an thị xã NS lấy và phải đưa cho cậu Giang số tiền 3.000.000 đồng, chị H đồng ý và chuyển khoản cho V.

Ngày 16/12/2023, V gọi điện cho chị H nói phải nhờ anh N làm Giám đốc Bưu điện thị xã NS để chị trả tiền bảo hiểm và phải đưa cho anh NSố tiền 5.000.000 đồng, chị H đồng ý và đưa tiền mặt cho V tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Ngày 27/12/2023, V lại gọi điện cho chị H bảo cần chuyển tiếp số tiền 5.700.000 đồng cho V để làm sổ bảo hiểm, chị H đồng ý và chuyển khoản cho V.

Đến ngày 01/01/2024, V gọi điện cho chị H nói về việc có muốn xin việc cho anh S (chồng chị H) làm bảo vệ tại Viện kiểm sát thì đưa cho V 4.000.000 đồng để đưa cho vợ Hạnh (Trước đó V nói dối với gia đình chị H, vợ Hạnh là người quen của V làm Giám đốc Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS và cậu Giang làm Giám đốc Công an thị xã là anh em nhà V), chị H đồng ý và hẹn V đến nhà đưa cho V số tiền trên.

Ngày 08/01/2024, V lại gọi điện chị H nói muốn xin được việc cho anh S phải mất thêm số tiền 35.000.000 đồng, chị H đồng ý, hẹn gặp và đưa tiền cho V tại Quốc lộ 1A, ngay đường rẽ vào UBND phường Ninh Hải.

Ngày 16/01/2024, V gọi điện cho chị H nói cầnSố tiền 4.000.000 đồng để đưa cho cậu Giang đi viện, chị H đồng ý, gặp và đưa tiền mặt cho V tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Ngày 17/01/2024, V tiếp tục gọi điện cho chị H bảo chị H phải đưa cho V 20.000.000 đồng để làm bằng cấp 3 cho anh S đi làm việc tại Viện kiểm sát, chị H đồng ý rồi chuyển khoảnSố tiền trên cho V.

Ngày 21/01/2024, V gọi điện chị H nói nếu muốn anh S làm việc tại phòng máy tính của Viện kiểm sát thì cần chuyển thêm số tiền 10.000.000 đồng để đưa cho vợ Hạnh, chị H đồng ý và đưa tiền mặt cho V tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Ngày 23/01/2024, V đến nhà chị H nói về việc đưa cho vợ Hạnh 10.000.000 đồng để xin cho chị H làm tạp vụ tại Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS, chị H đồng ý và đưa chiếc thẻ Ngân hàng MB Bank cho V để V đi rút được số tiền 9.500.000 đồng.

Đến ngày 28/02/2024, V đến nhà chị H nói về việc cần đưa thêm số tiền 10.000.000 đồng cho vợ Hạnh đi viện, chị H đồng ý và đưa tiền mặt cho V tại Quốc lộ 1A thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Toàn bộ số tiền nhận của chị H nêu trên, V không sử dụng làm sổ bảo hiểm cho chị H, cũng không xin việc cho anh S và chị H làm việc tại Viện kiểm sát, mà sử dụng để tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Đặng Thị V lừa đảo chiếm đoạt của gia đình chị Vũ Thị H và anh Mai Công S là 120.850.000 đồng.

Vụ thứ hai: Cũng vào khoảng đầu tháng 12 năm 2023, sau khi quen biết với Đặng Thị V và được V giới thiệu có người quen là vợ Hạnh làm Giám đốc Viện kiểm sát có thể chạy được án treo nên Mai Công S đã nói chuyện với

gia đình chú ruột của mình là ông Mai Công H và bà Nguyễn Thị T, trú tại tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS nhờ V chạy án treo cho Mai Công N (là con trai ông H, bà T), hiện đang bị tạm giam về tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, ông H, bà T đồng ý và bảo S nhờ V chạy án cho N. Sau đó, S gọi điện nhờ V chạy án treo cho N thì V đồng ý, S đưa máy điện thoại cho ông H nói chuyện thì V nói chạy án hết số tiền 60.000.000 đồng, ông H đồng ý và sau đó ông H, bà T đã nhiều lần đưa tiền cho S để chuyển cho V, cụ thể:

Ngày 09/12/2023, bà T đưa cho S 25.000.000 đồng, S đưa toàn bộ số tiền trên cho V tại Đền bà Mai Thị Triều thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Ngày 11/12/2023, V gọi điện cho S nói cần đưa tiếp số tiền 35.000.000 đồng để chạy án, bà T đưa tiền cho S, sau đó S đưa toàn bộ số tiền trên cho V tại cổng Bệnh viện dã khoa khu vực thị xã NS.

Ngày 20/12/2023, V sử dụng số điện 0344.935.445 gọi điện cho anh S, tự xưng là Hạnh, Giám đốc Viện kiểm sát, bảo anh S cho gặp ông H. Lúc này ông H đang đi cùng anh S, nên anh S đưa máy cho ông H nói chuyện, V bảo ông H đưa thêm 5.000.000 đồng để đưa cho Cơ quan điều tra đánh tráo hồ sơ để chạy án treo cho N, ông H đồng ý đưa tiền cho S để đưa cho V, sau đó S đưa toàn bộ số tiền trên cho V tại Cầu Mai thuộc Triều thuộc địa phận phường Ninh Hải, thị xã NS.

Đến ngày 24/01/2024, V gọi điện cho anh S nói về việc xóa án tích cho N hết số tiền 15.000.000 đồng, S sang báo lại cho gia đình bà T, bà T đưa tiền cho S, sau đó S đưa toàn bộ tiền cho V tại Quốc lộ 1A, ngay đoạn rẽ vào UBND phường Ninh Hải.

Tiếp đó, trong khoảng thời gian từ ngày 22/02/2024 đến ngày 17/4/2024, cũng với thủ đoạn trên, V đã nhiều lần gọi điện cho anh S và bà T viện ra nhiều lý do khác nhau với mục đích chạy án cho N để chiếm đoạt thêm của gia đình ông H, bà T số tiền 46.440.000 đồng.

Sau khi nhận tiền của gia đình ông H, bà T các lần nêu trên, V không đưa tiền cho bất kỳ ai để tác động chạy án cho N mà sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền Đặng Thị V lừa đảo chiếm đoạt của gia đình ông H, bà T là 126.440.000 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian đầu tháng 12/2023 đến ngày 17/4/2024, Đặng Thị V đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt của gia đình chị Vũ Thị H, anh Mai Công S với tổng số tiền 120.850.000 đồng và gia đình ông Mai Công H, bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền 126.440.000 đồng. Tổng cộng số tiền V đã chiếm đoạt của các bị hại trên là 247.290.000 đồng.

Về số lượng tiền chiếm đoạt, quá trình điều tra chị Vũ Thị H khai báo nhiều lần đưa tiền cho V để làm sổ bảo hiểm và xin việc làm với tổng số tiền là 148.240.000 đồng và bà Nguyễn Thị T khai báo nhiều lần đưa tiền cho V để

chạy án cho con trai với tổng số tiền là 219.350.000 đồng. Tuy nhiên, V chỉ thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của gia đình chị H và gia đình bà T các lần nêu trên với tổng số tiền lần lượt là 120.850.000 đồng và 126.440.000 đồng. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành cho V và chị H, bà T đối chất nhưng không có kết quả, ngoài lời khai của chị H và bà T thì không còn có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc V đã nhận và chiếm đoạt số lượng tiền như những người bị hại khai báo.

Tiến hành làm việc với Bảo hiểm xã hội thị xã NS xác định, tại cơ quan Bảo hiểm xã hội thị xã không có ai là Hiền làm Giám đốc và có sử dụng số điện thoại 0974242139 và cũng không sự việc Đặng Thị V nhờ làm sổ bảo hiểm xã hội cho Vũ Thị H. Tiền bảo hiểm của Vũ Thị H đã được Bảo hiểm xã hội thị xã NS chi trả vào ngày 10/6/2024 theo quyết định số 1850/QĐ-BHXH; việc chi trả theo đúng quy định của pháp luật.

Tiến hành làm việc, xác minh tại Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS xác định, cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS không có chức vụ Giám đốc, đơn vị không có cán bộ, công chức và người lao động nào tên là Hạnh. Trong khoảng thời gian trên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS cũng không có nhu cầu tuyển bảo vệ, nhân viên phòng máy tính.

Làm việc với ông Phạm Văn N, giám đốc Bưu điện thị xã NS xác định, ông N không quen biết ai tên Đặng Thị V và không được V nhờ làm sổ bảo hiểm cho Vũ Thị H, đồng thời Bưu điện cũng không chi trả tiền bảo hiểm cho Vũ Thị H.

Làm việc với ông Phạm Ngọc S, Thẩm phán Tòa án nhân dân thị xã NS đã xét xử vụ án Mai Công N phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, ông S cho biết vụ án trên được xét xử đúng quy định pháp luật và Mai Công N bị xử phạt 39 tháng tù.

Đối với anh Mai Công S, là người nhờ Đặng Thị V chạy án cho Mai Công N và là người nhận tiền từ gia đình chị Nguyễn Thị T đưa cho V để chạy án. Quá trình điều tra xác định, khi liên hệ và đưa tiền của gia đình ông H, bà T nhờ V chạy án cho N, bản thân NS bị V lừa và không được hưởng lợi gì nên NS không phạm tội.

Đối với anh Nguyễn Văn T (chồng của V), quá trình điều tra xác định, anh T khi đưa cho V sử dụng số điện thoại 0974.242.139 của mình thì anh T không biết việc V sử dụng số điện thoại này để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không có lỗi.

Về vật chứng vụ án:

Quá trình điều tra đã thu giữ của chị Vũ Thị H 01 quyển vở có ghi các thông tin về việc đã đưa tiền cho Đặng Thị V để phục vụ công tác điều tra, hiện quyển vở trên được đưa vào hồ sơ vụ án theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình chị Vũ Thị H và gia đình bà Nguyễn Thị T yêu cầu V bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt lần lượt là 120.850.000 đồng và 126.440.000 đồng. Đến nay, bị cáo vẫn chưa thực hiện việc bồi thường.

Tại bản cáo trạng số: 58/CTr-VKS-HS ngày 25/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS truy tố bị cáo Đặng Thị V về tội “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 BLHS.

- Đề nghị xử phạt Đặng Thị V từ 7 năm 6 tháng đến 8 tháng tù.

Tổng hợp với 27 tháng tù tại Bản án Số 03/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã NS. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 9 năm 9 tháng đến 10 năm 7 tháng.

*** Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, 589 BLDS.

- Đề nghị buộc Đặng Thị V phải bồi thường lại số tiền 120.850.000 đồng cho chị Vũ Thị H và 126.440.000 đồng cho chị Nguyễn Thị T.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội không có ý kiến tranh luận đối với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã NS, Điều tra viên Cơ quan CSĐT Công an thị xã NS, Viện kiểm sát nhân dân thị xã NS, Kiểm sát viên VKSND thị xã NS trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong thời gian từ đầu tháng 12/2023 đến ngày 17/4/2024, tại tổ dân phố Thống Nhất, phường Ninh Hải, thị xã NS, Đặng Thị V đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin giả mạo về việc có thể làm được sổ bảo hiểm thất Nộp, xin được việc làm tại cơ quan Viện kiểm sát và chạy án treo, qua đó đã lừa đảo chiếm đoạt của gia đình chị Vũ Thị H số tiền 120.850.000 đồng và gia đình bà Nguyễn Thị T số tiền 126.440.000 đồng.

Quá trình điều tra, và tại phiên tòa, bị hại Vũ Thị H khai báo nhiều lần đưa tiền cho bị cáo V để làm sổ bảo hiểm và xin việc làm với tổng số tiền là 148.240.000 đồng; bị hại Nguyễn Thị T khai báo nhiều lần đưa tiền cho V để chạy án cho con trai với tổng số tiền là 219.350.000 đồng.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa Đặng Thị V chỉ thừa nhận lừa đảo chiếm đoạt của gia đình chị H là 120.850.000 đồng và gia đình bà T 126.440.000 đồng, ngoài lời khai của chị H và bà T thì không còn có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc V đã nhận và chiếm đoạt số lượng tiền như những người bị hại khai báo. Do đó chỉ có cơ sở xác định tổng số tiền Đặng Thị V chiếm đoạt của 2 bị hại là 247.290.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội, lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát ND Thị xã NS là hoàn toàn có cơ sở. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Đặng Thị V không có điều kiện, không có khả năng làm được sổ bảo hiểm thất Nộp, xin được việc làm tại cơ quan Viện kiểm sát và chạy án treo, nhưng đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin giả mạo về việc có thể làm được sổ bảo hiểm thất Nộp, xin được việc làm tại cơ quan Viện kiểm sát và chạy án treo, qua đó đã lừa đảo chiếm đoạt của gia đình chị Vũ Thị H và gia đình bà Nguyễn Thị T với tổng số tiền là 247.290.000 đồng. Do đó hành vi của Đặng Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*”

[3] Tính chất, mức độ Nặng nề của hành vi phạm tội của bị cáo

Bị cáo vì động cơ mục đích tư lợi nên bằng thủ đoạn gian dối, đưa thông tin có quan hệ và khả năng làm được sổ bảo hiểm thất Nộp, xin được việc làm tại cơ quan Viện kiểm sát và chạy án treo, lợi dụng lòng tin của người bị hại, để chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm thể hiện Sự coi thường pháp luật, đã xâm phạm đến quyền Sở hữu tài sản của người khác đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội. Do đó cần phải xử lý nghiêm trọng xứng với tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

* *Về tình tiết tăng nặng*: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 12/2023 đến ngày 17/4/2024, bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của chị Vũ Thị H, Nguyễn Thị T. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng: “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

* *Về tình tiết giảm nhẹ*: Tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo 1 phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ vào tính chất, mức độ Nêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Xét thấy cần T phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục. Do bị cáo đang chấp hành hình phạt 27 tháng tù của Bản án Số 03/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã NS nên cần áp dụng điều 56 BLHS để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo (thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt chung).

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã chiếm đoạt của gia đình chị Vũ Thị H số tiền 120.850.000 đồng và gia đình bà Nguyễn Thị T số tiền 126.440.000 đồng. Hiện tại bị cáo chưa bồi thường. Do đó buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho chị Vũ Thị H số tiền 120.850.000 đồng và bà Nguyễn Thị T số tiền 126.440.000.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, hiện đang phải chấp hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Tuyên bố: Đặng Thị V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Đặng Thị V 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp với 27 tháng tù tại Bản án Số 03/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã NS. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 26 tháng 4 năm 2024.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS, Điều 584, 589 BLDS.

- Buộc Đặng Thị V phải bồi thường lại số tiền 120.850.000đ (một trăm hai mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) cho chị Vũ Thị H và 126.440.000đ (một trăm hai mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) cho chị Nguyễn Thị T. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường 247.290.000 đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo không thi hành các khoản tiền bồi thường thì phải chịu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

4. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo Đặng Thị V phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm,

12.365.000đ (mười hai triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND thị xã NS;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQCSĐT Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Phân trại tạm giam khu vực NS, Công an tỉnh Thanh Hoá;
- CCTHADS TX NS;
- UBND nơi BC cư trú;
- Bị cáo; Người TGTT khác;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Đình Thuận